BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/2014/TB-LPQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2014

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại Khoản 3, Điều 47 của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Niu Di-lân về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập, ký tại Hà Nội ngày 05 tháng 8 năm 2013, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2014.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 68 của Luật nêu trên.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Ngự

HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC NIU DI-LÂN

VỀ TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

VÀ

NGĂN NGỪA VIỆC TRỐN LẬU THUẾ

ĐỐI VỚI

CÁC LOẠI THUẾ ĐÁNH VÀO THU NHẬP

Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Niu Di-lân,

Mong muốn ký kết một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập,

Đã thoả thuận dưới đây:

Điều 1
PHẠM VI ÁP DỤNG

Hiệp định này áp dụng đối với các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

Điều 2
CÁC LOẠI THUẾ BAO GỒM TRONG HIỆP ĐỊNH

1. Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết đánh vào thu nhập, bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2. Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập, hoặc những phần của thu nhập bao gồm các khoản thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, và các loại thuế đánh trên tổng số tiền lương hoặc tiền công do doanh nghiệp chi trả sẽ được coi là các loại thuế đánh vào thu nhập.

3. Các loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này cụ thể là:

   (a) tại Việt Nam:
   (i) thuế thu nhập cá nhân; và
   (ii) thuế thu nhập doanh nghiệp
   (dưới đây được gọi là "thuế Việt Nam");

   (b) tại Niu Di-lân: thuế thu nhập
   (dưới đây được gọi là "thuế Niu Di-lân").

4. Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng đối với các loại thuế có tính chất tương tự hoặc về cơ bản giống như các loại thuế trên được ban hành sau ngày ký Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau biết những thay đổi quan trọng trong các luật thuế của từng Nước.

Điều 3
CÁC ĐỊNH NGHĨA CHUNG

1. Theo nội dung của Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác:

(a) thuật ngữ "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khi dùng theo nghĩa địa lý, thuật ngữ này có nghĩa là lãnh thổ đất liền, các hải đảo, nội thủy, lãnh hải và vùng trời phía trên đó, vùng biển ngoài lãnh hải, bao gồm cả đáy biển và lòng đất dưới đáy biển mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với pháp luật quốc gia và luật pháp quốc tế;

(b) thuật ngữ "Niu Di-lân" có nghĩa là lãnh thổ của Niu Di-lân nhưng không bao gồm Tokelau; thuật ngữ này cũng bao gồm bất kỳ vùng nào ngoài lãnh hải được quy định theo pháp luật của Niu Di-lân và phù hợp với luật pháp quốc tế như một vùng tại đó Niu Di-lân có thể thực hiện các quyền chủ quyền đối với tài nguyên thiên nhiên;

(c) thuật ngữ "đối tượng" bao gồm cá nhân, công ty và bất kỳ tổ chức của nhiều đối tượng nào khác;

(d) thuật ngữ "công ty" có nghĩa là bất kỳ tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới giác độ thuế;

(e) thuật ngữ "doanh nghiệp của một Nước ký kết" và "doanh nghiệp của Nước ký kết kia" theo thứ tự có nghĩa là một doanh nghiệp được điều hành bởi một đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một doanh nghiệp được điều hành bởi một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia;

(f) thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất kỳ sự vận chuyển nào bằng tàu thủy hoặc máy bay được thực hiện bởi một doanh nghiệp của một Nước ký kết, trừ trường hợp khi chiếc tàu thủy hoặc máy bay đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm trong Nước ký kết kia;

(g) thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa là:

(i) trong trường hợp của Niu Di-lân, là Tổng cục Trưởng Cục thu nội địa hoặc người đại diện được ủy quyền; và
(ii) trong trường hợp của Việt Nam, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền;

(h) thuật ngữ "đối tượng mang quốc tịch", có liên quan đến một Nước ký kết, có nghĩa là:

(i) trong trường hợp của Việt Nam, là bất kỳ cá nhân nào mang quốc tịch của Việt Nam và trong trường hợp của Niu Di-lân, là bất kỳ cá nhân nào có quyền công dân của Niu Di-lân; và

(ii) bất kỳ pháp nhân, công ty hợp danh hoặc hiệp hội nào có tư cách theo các luật có hiệu lực tại Nước ký kết đó;

(i) thuật ngữ "Nước ký kết" và "Nước ký kết kia" có nghĩa là Niu Di-lân hoặc Việt Nam, tùy ngữ cảnh đòi hỏi.

2. Trong khi một Nước ký kết áp dụng Hiệp định này vào bất kỳ thời điểm nào, bất kỳ thuật ngữ nào chưa được định nghĩa tại Hiệp định này sẽ có nghĩa theo như định nghĩa tại luật của Nước đó, đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng vào thời điểm đó, bất kỳ nghĩa nào theo các luật thuế được áp dụng của Nước đó sẽ có giá trị cao hơn nghĩa của thuật ngữ đó theo các luật khác của Nước đó, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác.

Điều 4
ĐỐI TƯỢNG CƯ TRÚ

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết" có nghĩa là bất kỳ đối tượng nào, mà theo các luật của Nước đó, là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nơi cư trú, nhà ở, trụ sở đăng ký, trụ sở thành lập, trụ sở điều hành, hoặc bất kỳ tiêu chuẩn nào khác có tính chất tương tự, và cũng bao gồm cả Nhà nước đó hoặc bất kỳ cơ quan chính quyền địa phương nào của Nhà nước đó. Tuy nhiên, thuật ngữ này không bao gồm bất kỳ đối tượng nào là đối tượng chịu thuế tại Nước đó chỉ đối với thu nhập từ các nguồn tại Nước đó.

2. Trường hợp theo các quy định tại khoản 1, khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

   (a) cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú; nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

   (b) nếu không thể xác định được Nước ký kết nơi cá nhân đó có trung tâm các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước mà cá nhân đó thường sống;

   (c) nếu cá nhân đó thường xuyên sống ở cả hai Nước hoặc không thường xuyên ở Nước nào, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước mà cá nhân đó mang quốc tịch;

   (d) nếu cá nhân đó là đối tượng mang quốc tịch của cả hai Nước hoặc không mang quốc tịch của Nước nào, các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thỏa thuận chung.

3. Trường hợp theo các quy định tại khoản 1, một đối tượng không phải là cá nhân, là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, khi đó đối tượng trên sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước có trụ sở điều hành thực tế của đối tượng đó. Nếu không xác định được Nước nơi có trụ sở điều hành thực tế, hoặc trụ sở điều hành thực tế không có ở Nước nào, khi đó các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cố gắng để xác định Nước mà có đối tượng sẽ được coi là đối tượng cư trú vì

mục đích của Hiệp định bằng thỏa thuận chung phù hợp với Điều 24, có xem xét tới trụ sở điều hành, trụ sở đăng ký hoặc thành lập và bất kỳ các yếu tố liên quan nào khác. Trong trường hợp không có thỏa thuận như vậy, đối tượng đó sẽ không được hưởng bất kỳ quyền miễn hay giảm thuế nào quy định tại Hiệp định này.

Điều 5
CƠ SỞ THƯỜNG TRÚ

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một địa điểm kinh doanh cố định mà qua đó doanh nghiệp thực hiện toàn bộ hoặc một phần hoạt động kinh doanh của mình.

2. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

   (a) trụ sở điều hành;

   (b) chi nhánh;

   (c) văn phòng;

   (d) nhà máy;

   (e) xưởng;

   (f) nhà kho; và

   (g) mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên nào khác.

3. Một địa điểm xây dựng hoặc dự án xây dựng, lắp đặt hoặc lắp ráp hoặc các hoạt động giám sát có liên quan đến địa điểm xây dựng hoặc dự án xây dựng, lắp đặt hoặc lắp ráp, tạo thành một cơ sở thường trú nếu hoạt động này kéo dài hơn sáu tháng.

4. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" cũng bao gồm việc cung cấp các dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn do một doanh nghiệp thực hiện thông qua những người làm công hoặc những đối tượng khác được doanh nghiệp giao thực hiện các hoạt động trên, nhưng chỉ khi các hoạt động mang tính chất nêu trên kéo dài (trong cùng một dự án hoặc một dự án liên quan) tại một Nước ký kết trong một giai đoạn hoặc nhiều giai đoạn gộp lại hơn sáu tháng trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng.

5. Một doanh nghiệp sẽ được coi là có một cơ sở thường trú tại một Nước ký kết và thực hiện kinh doanh thông qua cơ sở thường trú đó nếu:

   (a) doanh nghiệp tiến hành các hoạt động tại Nước đó bao gồm, hoặc có liên quan đến việc thăm dò hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên, kể cả rừng trồng và rừng tự nhiên tại Nước đó; hoặc

(b) doanh nghiệp vận hành thiết bị trọng yếu tại Nước đó.

6. Để xác định thời gian của các hoạt động theo khoản 3 và 4, giai đoạn trong đó các hoạt động được thực hiện tại một Nước ký kết bởi một doanh nghiệp liên kết với một doanh nghiệp khác sẽ được gộp vào giai đoạn trong đó các hoạt động được thực hiện bởi doanh nghiệp mà được liên kết với nó nếu như các hoạt động được nêu đầu tiên gắn kết với các hoạt động được thực hiện tại Nước đó bởi doanh nghiệp thứ hai, với điều kiện là bất kỳ giai đoạn nào trong đó hai hay nhiều hơn các doanh nghiệp liên kết thực hiện các hoạt động đồng thời thì chỉ được tính một lần. Một doanh nghiệp sẽ được coi là có liên kết với một doanh nghiệp khác nếu một doanh nghiệp bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp bởi doanh nghiệp kia, hoặc nếu cả hai doanh nghiệp bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp bởi một đối tượng thứ ba hoặc bởi nhiều đối tượng.

7. Mặc dù có những quy định trên của Điều này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" sẽ được coi là không bao gồm:

(a) việc sử dụng các phương tiện chỉ cho mục đích lưu kho hoặc trưng bày hàng hóa hoặc tài sản của doanh nghiệp;

(b) việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của doanh nghiệp chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày;

(c) việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của doanh nghiệp chỉ với mục đích để cho doanh nghiệp khác gia công;

(d) việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ với mục đích mua hàng hóa hoặc tài sản hoặc để thu thập thông tin cho doanh nghiệp;

(e) việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác mang tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ cho doanh nghiệp.

8. Mặc dù có những quy định tại khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng - trừ đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh tại khoản 9 - hoạt động tại một Nước ký kết thay mặt cho một doanh nghiệp và:

(a) có và thường xuyên thực hiện tại Nước đó thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên doanh nghiệp; hoặc

(b) thường xuyên duy trì tại Nước thứ nhất một kho hàng hoá hoặc tài sản, qua đó đối tượng này thường xuyên giao hàng hoá hoặc tài sản thay mặt cho doanh nghiệp; hoặc

(c) sản xuất hoặc gia công cho doanh nghiệp tại một Nước ký kết các hàng hóa hoặc tài sản thuộc về doanh nghiệp,

doanh nghiệp đó sẽ được coi là có một cơ sở thường trú tại Nước đó đối với bất kỳ hoạt động nào mà đối tượng đó thực hiện cho doanh nghiệp, trừ khi các hoạt động của đối tượng đó chỉ giới hạn trong phạm vi các hoạt động nêu tại khoản 7 mà những hoạt động đó nếu được thực hiện thông qua một địa điểm kinh doanh cố định thì sẽ không làm cho địa điểm kinh doanh cố định này trở thành một cơ sở thường trú theo những quy định tại khoản đó.

9. Một doanh nghiệp của một Nước ký kết sẽ không được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia nếu doanh nghiệp chỉ thực hiện kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập, với điều kiện những đối tượng này chỉ hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của mình. Tuy nhiên, khi các hoạt động của đại lý đó dành toàn bộ hoặc hầu như toàn bộ cho hoạt động đại diện cho doanh nghiệp đó và điều kiện được tạo ra hoặc áp đặt giữa doanh nghiệp đó và đại lý đó trong quan hệ thương mại và quan hệ tài chính khác với điều kiện được tạo ra giữa các doanh nghiệp độc lập, đại lý đó sẽ không được coi là đại lý có tư cách độc lập theo nghĩa của khoản này.

10. Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hoặc dưới hình thức khác) sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

Điều 6
THU NHẬP TỪ BẤT ĐỘNG SẢN

1. Thu nhập mà một đối tượng cư trú tại một Nước ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp, lâm nghiệp hoặc ngư nghiệp) đặt tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như luật của Nước ký kết nơi có tài sản. Trong mọi trường hợp thuật ngữ sẽ bao gồm cả tài sản đi liền với bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền áp dụng theo các quy định tại luật chung về điền sản, quyền sử dụng bất động sản, bất kỳ tài nguyên thiên nhiên nào, quyền thăm dò hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên hoặc rừng trồng và rừng tự nhiên, và các quyền được hưởng các khoản thanh toán thay đổi hoặc cố định hoặc trả cho việc khai thác hoặc quyền thăm dò hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên hoặc rừng trồng và rừng tự nhiên; các tàu thủy, thuyền và máy bay sẽ không được coi là bất động sản.

3. Những quy định tại khoản 1 sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê hoặc sử dụng các loại bất động sản dưới bất kỳ hình thức nào khác.

4. Những quy định tại các khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng cho thu nhập từ bất động sản của một doanh nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập.

5. Bất kỳ quyền nào đề cập tại khoản 2 của Điều này sẽ được coi là hiện diện tại nơi có tài sản liên quan tới các quyền này hoặc tại nơi việc thăm dò hoặc khai thác có thể diễn ra.

Điều 7
LỢI NHUẬN KINH DOANH

1. Lợi nhuận của một doanh nghiệp của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ trường hợp doanh nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia. Nếu doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước kia, nhưng chỉ trên phần lợi nhuận phân bổ cho:

   (a) cơ sở thường trú đó; hoặc

   (b) việc bán tại Nước ký kết kia hàng hóa hoặc tài sản giống hoặc tương tự như hàng hóa hoặc tài sản bán thông qua cơ sở thường trú đó. Được hiểu rằng lợi nhuận của doanh nghiệp sẽ bao gồm lợi nhuận phân bổ cho việc bán hàng hóa và tài sản nêu tại tiết khoản này chỉ khi nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết nơi có cơ sở thường trú của doanh nghiệp cho rằng doanh nghiệp đã tham gia vào một dàn xếp liên quan đến việc bán những hàng hóa hoặc tài sản này để tránh thuế đánh vào những lợi nhuận này tại Nước ký kết đó.

2. Thể theo các quy định tại khoản 3, khi một doanh nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia, thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở đó có thể thu được, nếu đó là một doanh nghiệp riêng và tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động như nhau hoặc tương tự trong cùng những điều kiện như nhau hoặc tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với doanh nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.

3. Trong khi xác định lợi nhuận của một cơ sở thường trú, cơ sở này sẽ được phép khấu trừ các khoản chi phí phát sinh phục vụ cho mục đích kinh doanh của cơ sở thường trú này, bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung cho dù chi phí đó phát sinh tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác. Tuy nhiên, sẽ không cho phép tính vào các khoản chi phí được trừ bất kỳ các khoản tiền nào, nếu có, do cơ sở thường trú trả cho (trừ tiền thanh toán các chi phí thực tế) trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào khác của doanh nghiệp dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hoặc bất kỳ khoản thanh toán tương tự nào khác để được phép sử dụng sáng chế hoặc các quyền khác, hoặc dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt, hoặc trả cho công việc quản lý, hoặc dưới hình

thức lãi tính trên tiền cho cơ sở thường trú vay, trừ trường hợp lãi từ tiền cho vay của tổ chức ngân hàng. Tương tự như vậy, khi xác định lợi nhuận của cơ sở thường trú, sẽ không tính đến các khoản tiền (trừ các khoản tiền thanh toán các chi phí thực tế) do cơ sở thường trú thu từ trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào khác của doanh nghiệp dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hoặc bất kỳ khoản thanh toán tương tự nào khác để được phép sử dụng sáng chế hoặc các quyền khác, hoặc dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hoặc trả cho công việc quản lý, hoặc dưới hình thức lãi tính trên tiền cho trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào khác của doanh nghiệp vay, trừ trường hợp lãi từ tiền cho vay của tổ chức ngân hàng.

4. Trường hợp tại một Nước ký kết vẫn thường xác định các khoản lợi nhuận được phân bổ cho một cơ sở thường trú trên cơ sở phân chia tổng các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp thành những phần khác nhau, không có nội dung nào tại khoản 2 ngăn cản Nước ký kết đó xác định lợi nhuận chịu thuế theo cách phân chia theo thông lệ trên; tuy nhiên, phương pháp phân chia được chấp nhận sẽ có kết quả phù hợp với những nguyên tắc nêu tại Điều này.

5. Theo nội dung các khoản trên, các khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương pháp giữa các năm trừ khi có đủ lý do chính đáng để xác định theo phương pháp khác.

6. Khi:

(a) một đối tượng cư trú của một Nước ký kết sở hữu thực hưởng (dù là một đối tượng thực hưởng trực tiếp của một tín thác hoặc thông qua một hoặc nhiều tín thác trung gian) phần chia lợi tức của việc kinh doanh của doanh nghiệp được thực hiện tại Nước ký kết kia bởi người được uỷ thác của một tín thác mà không phải là một tín thác được đối xử như một công ty vì các mục đích thuế; và

(b) liên quan đến doanh nghiệp đó, nếu người được uỷ thác là đối tượng cư trú của Nước thứ nhất, có hoặc sẽ có, một cơ sở thường trú tại Nước kia,

thì việc kinh doanh của doanh nghiệp được thực hiện bởi người được uỷ thác thông qua một cơ sở thường trú như vậy sẽ được coi là việc kinh doanh được thực hiện tại Nước kia bởi đối tượng cư trú đó thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia và phần chia lợi tức của đối

tượng cư trú đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia nhưng chỉ đối với phần lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú đó.

7. Khi lợi nhuận bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định của các Điều đó sẽ không bị ảnh hưởng bởi những quy định tại Điều này.

8. Không có nội dung nào tại Điều này ảnh hưởng đến bất kỳ điều nào của pháp luật của cả hai Nước ký kết mà có hiệu lực vào bất cứ thời điểm nào khi chúng ảnh hưởng đến việc đánh thuế đối với bất kỳ thu nhập nào từ bất cứ một loại hình bảo hiểm nào.

Điều 8
VẬN TẢI BIỂN VÀ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

1. Lợi nhuận do một doanh nghiệp của một Nước ký kết thu được từ hoạt động của tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

2. Mặc dù có các quy định tại khoản 1 và Điều 7, lợi nhuận do một doanh nghiệp của một Nước ký kết thu được từ việc vận chuyển hành khách, gia súc, thư, hàng hóa hoặc tài sản bằng tàu thuỷ hoặc máy bay mà hàng được vận chuyển hoặc bốc lên tại Nước ký kết kia và được bốc dỡ ở một địa điểm tại Nước đó, hoặc cho thuê nguyên tàu thủy hoặc máy bay để vận chuyển như vậy, có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

3. Những quy định tại khoản 1 và 2 cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi nhuận thu được từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hoặc một hãng hoạt động quốc tế.

Điều 9
CÁC DOANH NGHIỆP LIÊN KẾT

1. Khi

(a) một doanh nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của Nước ký kết kia, hoặc

(b) các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của một Nước ký kết và vào một doanh nghiệp của Nước ký kết kia,

và trong cả hai trường hợp, trong mối quan hệ tài chính và thương mại giữa hai doanh nghiệp trên có những điều kiện được đưa ra hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các doanh nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi nhuận mà một doanh nghiệp có thể thu được nếu không có những điều kiện trên nhưng nay vì những điều kiện này mà doanh nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn được tính vào các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp đó và bị đánh thuế tương ứng.

2. Khi một Nước ký kết tính vào các khoản lợi nhuận của một doanh nghiệp tại Nước đó – và đánh thuế tương ứng – các khoản lợi nhuận mà một doanh nghiệp tại Nước ký kết kia đã bị đánh thuế ở Nước kia và những khoản lợi nhuận được tính vào như vậy là những khoản lợi nhuận lẽ ra thuộc về doanh nghiệp tại Nước thứ nhất nếu như những điều kiện xác lập giữa hai doanh nghiệp trên là những điều kiện được xác lập giữa các doanh nghiệp độc lập, khi đó Nước kia sẽ điều chỉnh các khoản thuế tại Nước mình đối với các khoản lợi nhuận trên cho phù hợp. Khi xác định sự điều chỉnh như vậy sẽ xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này và các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ tham khảo ý kiến của nhau khi cần thiết.

Điều 10
TIỀN LÃI CỔ PHẦN

1. Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Tuy nhiên, những khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng thực hưởng tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia thì thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá:

   (a) 5 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng thực hưởng là công ty nắm giữ trực tiếp ít nhất 50 phần trăm quyền bỏ phiếu tại công ty trả tiền lãi cổ phần; và

   (b) 15 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần trong tất cả các trường hợp còn lại.

   Khoản này sẽ không ảnh hưởng tới việc đánh thuế công ty đối với khoản lợi nhuận dùng để chia lãi cổ phần.

3. Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần, cổ phần khai thác mỏ, cổ phần sáng lập hoặc các quyền lợi khác được hưởng lợi nhuận, cũng như thu nhập từ các quyền lợi công ty khác cùng chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế đối với thu nhập từ cổ phần theo luật của Nước nơi công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú.

4. Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước đó, hoặc tiến hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước ký kết kia, và quyền nắm giữ cổ phần nhờ đó được hưởng tiền lãi cổ phần, có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp như vậy các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14 của Hiệp định này, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có lợi nhuận hoặc thu nhập phát sinh từ Nước ký kết kia thì Nước ký kết kia có thể

không đánh thuế đối với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp những khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, hoặc quyền nắm giữ cổ phần có các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định tại Nước ký kết kia, đồng thời Nước kia cũng không buộc các khoản lợi nhuận không chia của công ty trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi nhuận không chia của công ty, cho dù những khoản tiền lãi cổ phần được trả hoặc các khoản lợi nhuận không chia bao gồm toàn bộ hoặc một phần các khoản lợi nhuận hoặc thu nhập phát sinh tại Nước ký kết kia.

6. Sẽ không có một sự miễn, giảm nào theo Điều này nếu mục đích chính hoặc một trong những mục đích chính của bất kỳ đối tượng nào liên quan đến việc chuyển nhượng tiền lãi cổ phần, hoặc liên quan đến tạo lập hoặc chuyển nhượng cổ phần hoặc các quyền khác mà theo đó tiền lãi cổ phần được trả, hoặc việc thành lập, mua lại hoặc duy trì công ty là chủ sở hữu thực hưởng của tiền lãi cổ phần và tiến hành hoạt động của nó để lợi dụng Điều này. Trong mọi trường hợp khi một Nước ký kết có ý định áp dụng khoản này, nhà chức trách có thẩm quyền của Nước đó sẽ tham khảo ý kiến với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia.

Điều 11
LÃI TỪ TIỀN CHO VAY

1. Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Tuy nhiên, khoản lãi từ tiền cho vay này cũng có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi này là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm của tổng số khoản lãi từ tiền cho vay.

3. Thuật ngữ "lãi từ tiền cho vay" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào, có hoặc không được đảm bảo bằng thế chấp và có hoặc không có quyền được hưởng lợi nhuận của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán của chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường, kể cả các khoản tiền thưởng và giải thưởng kèm theo các khoản chứng khoán, trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường đó cũng như tất cả các thu nhập được coi là thu nhập từ tiền cho vay theo quy định của pháp luật liên quan đến thuế, của Nước ký kết mà thu nhập phát sinh, nhưng không bao gồm thu nhập được coi là tiền lãi cổ phần theo quy định tại Điều 10.

4. Những quy định tại các khoản 1 và 2 sẽ không được áp dụng nếu người thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay thông qua một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia hoặc thực hiện tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước ký kết kia và khoản nợ có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với (a) cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó, hoặc (b) với các hoạt động nêu tại tiết khoản 1(b) của Điều 7. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả là đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi, là hoặc không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay này, và khoản lãi từ tiền cho vay đó được chịu hoặc được trừ khi xác định lợi nhuận phân bổ cho cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó thì dù đối tượng có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản lãi từ tiền cho vay

này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó đóng.

6. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả lãi và đối tượng hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản lãi từ tiền cho vay, liên quan đến khoản cho vay có số tiền lãi được trả vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng đi vay và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo luật của từng Nước ký kết có xem xét tới các quy định khác của Hiệp định này.

7. Sẽ không có một sự miễn, giảm nào theo Điều này nếu mục đích chính hoặc một trong những mục đích chính của bất kỳ đối tượng nào liên quan đến việc chuyển nhượng lãi từ tiền cho vay, hoặc liên quan đến tạo lập hoặc chuyển nhượng các khoản cho vay hoặc các quyền khác mà theo đó lãi từ tiền cho vay được trả, hoặc việc thành lập, mua lại hoặc duy trì của một đối tượng là chủ sở hữu thực hưởng lãi từ tiền cho vay hoặc tiến hành hoạt động của nó để lợi dụng Điều này. Trong mọi trường hợp khi một Nước ký kết có ý định áp dụng khoản này, nhà chức trách có thẩm quyền của Nước đó sẽ tham khảo ý kiến với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia.

Điều 12
TIỀN BẢN QUYỀN

1. Tiền bản quyền phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Tuy nhiên, những khoản tiền bản quyền đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh, và theo các luật của Nước này, nhưng nếu đối tượng thực hưởng tiền bản quyền là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia thì mức thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền bản quyền.

3. Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán ở bất kỳ dạng nào được trả cho:

   (a) việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bất kỳ bản quyền tác giả nào (bao gồm việc sử dụng hoặc quyền sử dụng bất kỳ bản quyền của một tác phẩm văn học, vở kịch, tác phẩm âm nhạc, hoặc nghệ thuật, ghi âm, các loại phim, phát thanh hoặc truyền hình, các chương trình cáp, hoặc các kiểu chữ của các ấn phẩm đã được xuất bản, sáng chế, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, nhãn hiệu, hoặc tài sản hoặc quyền khác;

   (b) việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bất kỳ thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học nào;

   (c) kiến thức hoặc thông tin liên quan đến các kinh nghiệm kỹ thuật, công nghiệp, thương mại hoặc khoa học;

   (d) bất kỳ sự hỗ trợ có tính chất phụ hoặc phụ trợ được cung cấp như là phương tiện tạo điều kiện áp dụng hoặc hưởng thụ bất kỳ tài sản hoặc quyền nào nêu tại tiết khoản (a), bất kỳ thiết bị nào nêu tại tiết khoản (b) hoặc bất kỳ kiến thức hoặc thông tin nào nêu tại tiết khoản (c); hoặc

   (e) việc hạn chế toàn bộ hoặc một phần đối với việc sử dụng hoặc cung cấp bất kỳ tài sản hoặc quyền nào đề cập tại khoản này.

4. Những quy định tại các khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh ở Nước ký kết kia nơi có khoản tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước ký kết kia hoặc tiến hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá

nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước ký kết kia, và quyền hoặc tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với (a) cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó, hoặc với (b) các hoạt động nêu tại tiết khoản 1(b) của Điều 7. Trong trường hợp này các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Tiền bản quyền sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả tiền bản quyền là đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả tiền bản quyền, là hoặc không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền đã phát sinh, và khoản tiền bản quyền đó được chịu hoặc được trừ khi xác định lợi nhuận phân bổ cho cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó thì khoản tiền bản quyền này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó đóng.

6. Trường hợp vì mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản tiền bản quyền, liên quan đến việc sử dụng, quyền hoặc thông tin có số tiền bản quyền được trả, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả tiền và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết có xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này.

7. Sẽ không có một sự miễn, giảm nào theo Điều này nếu mục đích chính hoặc một trong những mục đích chính của bất kỳ đối tượng nào liên quan đến việc chuyển nhượng tiền bản quyền, hoặc liên quan đến tạo lập hoặc chuyển nhượng các quyền về tiền bản quyền được trả, hoặc việc thành lập, mua lại hoặc duy trì của một đối tượng là chủ sở hữu thực hưởng tiền bản quyền hoặc tiến hành hoạt động của nó để lợi dụng Điều này. Trong mọi trường hợp khi một Nước ký kết có ý định áp dụng khoản này, nhà chức trách có thẩm quyền của Nước đó sẽ tham khảo ý kiến với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia.

Điều 13
CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN

1. Thu nhập hoặc giá trị tăng thêm do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng bất động sản được nêu tại Điều 6 và bất động sản đó nằm tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Thu nhập hoặc giá trị tăng thêm từ việc chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một doanh nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập kể cả thu nhập hoặc giá trị tăng thêm từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (riêng cơ sở thường trú đó hoặc cùng với toàn bộ doanh nghiệp) hoặc cơ sở cố định đó, có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

3. Thu nhập hoặc giá trị tăng thêm do một doanh nghiệp của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng các tàu thủy hoặc máy bay của một doanh nghiệp của một Nước ký kết hoạt động trong vận tải quốc tế hoặc từ chuyển nhượng động sản gắn liền với hoạt động của các tàu thủy hoặc máy bay đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

4. Thu nhập hoặc giá trị tăng thêm do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng các cổ phần hoặc các lợi ích tương ứng trong một công ty mà tài sản của công ty đó bao gồm toàn bộ hoặc chủ yếu là bất động sản nằm tại Nước ký kết kia, có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

5. Không có nội dung nào của Điều này ảnh hưởng đến việc áp dụng pháp luật của một Nước ký kết đối với việc đánh thuế vào thu nhập tăng thêm có bản chất vốn thu được từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với những tài sản mà bất kỳ các khoản trên của điều này áp dụng.

Điều 14
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN ĐỘC LẬP

1. Thu nhập do một cá nhân là đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động dịch vụ ngành nghề hoặc các hoạt động khác có tính chất độc lập sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó trừ khi các dịch vụ đó được thực hiện tại Nước ký kết kia và:

   (a) cá nhân đó có mặt tại Nước kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại trên 183 ngày trong bất kỳ khoảng thời gian 12 tháng nào bắt đầu hoặc kết thúc trong năm tính thuế có liên quan; hoặc

   (b) cá nhân đó thường xuyên có tại Nước kia một cơ sở cố định để thực hiện các hoạt động của cá nhân đó.

   Nếu các quy định tại các tiết khoản (a) hoặc (b) được thỏa mãn, thu nhập có thể bị đánh thuế tại Nước kia nhưng chỉ trên phần phân bổ cho các hoạt động được thực hiện trong khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian hoặc từ cơ sở cố định đó.

2. Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu những hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hoặc giảng dạy mang tính chất độc lập như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán viên.

Điều 15
THU NHẬP TỪ LÀM CÔNG

1. Thể theo các quy định tại các Điều 16, 18 và 19 các khoản tiền lương, tiền công, và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ khi công việc của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu công việc làm công được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Mặc dù có những quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước thứ nhất nếu:

   (a) người nhận tiền công có mặt tại Nước ký kết kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng nào bắt đầu hoặc kết thúc trong năm tính thuế liên quan, và

   (b) chủ lao động hoặc đối tượng đại diện chủ lao động trả tiền công lao động không phải là đối tượng cư trú tại Nước kia, và

   (c) tiền công không được chịu hoặc không được khấu trừ khi xác định lợi nhuận phân bổ cho một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định mà chủ lao động có tại Nước kia.

3. Mặc dù có những quy định trên của Điều này, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công trên tàu thủy hoặc máy bay do một doanh nghiệp của một Nước ký kết điều hành trong vận tải quốc tế có thể bị đánh thuế tại Nước đó.

Điều 16
THÙ LAO GIÁM ĐỐC

Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của ban giám đốc của một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

Điều 17
NGƯỜI BIỂU DIỄN VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN

1. Mặc dù có những quy định tại các Điều 14 và 15, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được với tư cách người biểu diễn như diễn viên sân khấu, điện ảnh, phát thanh hoặc truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên từ những hoạt động cá nhân của mình thực hiện tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết kia.

2. Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên, mà trả cho một đối tượng khác thì thu nhập này có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù đã có những quy định tại các Điều 7, 14 và 15.

3. Các quy định tại các khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng đối với thu nhập của người biểu diễn hoặc vận động viên thu được từ việc thực hiện các hoạt động tại một Nước ký kết nếu chuyến đi tới Nước đó được tài trợ toàn bộ hoặc chủ yếu bởi các quỹ công của một hoặc cả hai Nước ký kết. Trong trường hợp đó, thu nhập chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi người biểu diễn hoặc vận động viên đó là đối tượng cư trú.

Điều 18
TIỀN LƯƠNG HƯU

Tiền lương hưu và các khoản tiền thù lao tương tự khác được trả cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết do các công việc đã làm trước đây sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước đó.

Điều 19
PHỤC VỤ CHÍNH PHỦ

1. (a) Tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác, (trừ tiền lương hưu), do Chính phủ của một Nước ký kết hoặc chính quyền địa phương của Nước đó trả cho một cá nhân đối với việc phục vụ cho Chính phủ hoặc chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

(b) Tuy nhiên, khoản thanh toán này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Nước ký kết kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, đồng thời:

(i) là đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia; hoặc

(ii) không trở thành đối tượng cư trú của Nước ký kết kia chỉ đơn thuần vì thực hiện những công việc trên.

2. Những quy định của các Điều 15, 16 và 17 sẽ áp dụng đối với các khoản thanh toán cho việc phục vụ được thực hiện liên quan đến một hoạt động kinh doanh được tiến hành bởi một Chính phủ hoặc chính quyền địa phương được đề cập tại khoản 1.

Điều 20
SINH VIÊN

1. Những khoản tiền mà một sinh viên hoặc thực tập sinh kinh doanh nhận được để trang trải các chi phí sinh hoạt, học tập hoặc đào tạo mà người sinh viên hoặc thực tập sinh này ngay trước khi đến một Nước ký kết đang và đã là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước thứ nhất chỉ với mục đích trang trải chi phí sinh hoạt, học tập hoặc đào tạo, sẽ không bị đánh thuế tại Nước đó, với điều kiện những khoản tiền đó phát sinh từ các nguồn ở bên ngoài Nước đó.

2. Khoản tiền thù lao mà một sinh viên hoặc thực tập sinh kinh doanh vốn là hoặc trước đó là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được từ công việc mà sinh viên hoặc thực tập sinh đó thực hiện tại Nước ký kết kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong năm thu nhập có liên quan sẽ không bị đánh thuế tại Nước kia nếu công việc này liên quan trực tiếp đến việc học tập hoặc thực tập của cá nhân đó diễn ra tại Nước thứ nhất.

Điều 21
THU NHẬP KHÁC

1. Những khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, cho dù phát sinh ở đâu, chưa được đề cập đến tại những Điều trên của Hiệp định này, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

2. Những quy định tại khoản 1 sẽ không áp dụng đối với thu nhập, trừ thu nhập từ bất động sản được định nghĩa tại khoản 2 Điều 6, nếu đối tượng nhận khoản thu nhập đó là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú có tại Nước kia hoặc thực hiện tại Nước kia những hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền hoặc tài sản liên quan đến số thu nhập được chi trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp như vậy những quy định tại các Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

3. Mặc dù có những quy định tại các khoản 1 và 2, những khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết chưa được đề cập đến tại các Điều trên của Hiệp định này và phát sinh tại Nước ký kết kia cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

Điều 22
XOÁ BỎ VIỆC ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

1. Tại Việt Nam, việc tránh đánh thuế hai lần sẽ được thực hiện như sau:

(a) Trường hợp một đối tượng cư trú của Việt Nam nhận được thu nhập hoặc giá trị tăng thêm mà theo các luật của Niu Di-lân, và phù hợp với Hiệp định này, có thể bị đánh thuế tại Niu Di-lân, Việt Nam sẽ cho phép khấu trừ vào thuế đánh trên thu nhập hoặc tài sản một khoản tiền bằng số tiền thuế đã nộp tại Niu Di-lân. Tuy nhiên, khoản tiền thuế được khấu trừ sẽ không vượt quá số thuế Việt Nam đánh trên thu nhập, lợi nhuận hoặc giá trị tăng thêm được tính phù hợp với các luật và quy định về thuế của Việt Nam.

(b) Trường hợp một đối tượng cư trú của Việt Nam nhận được thu nhập hoặc giá trị tăng thêm mà theo các quy định của Hiệp định này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Niu Di-lân, trong khi tính số thuế đối với thu nhập còn lại của đối tượng cư trú đó tại Việt Nam, Việt Nam có thể xét đến phần thu nhập hoặc giá trị tăng thêm được miễn thuế.

2. Tại Niu Di-lân, việc tránh đánh thuế hai lần sẽ được thực hiện như sau:

(a) Theo quy định của pháp luật Niu Di-lân liên quan đến việc cho phép một khoản khấu trừ đối với thuế Niu Di-lân đã nộp tại một quốc gia bên ngoài Niu Di-lân (không ảnh hưởng đến nguyên tắc chung của Điều này), thuế Việt Nam đã nộp theo pháp luật Việt Nam và phù hợp với Hiệp định này, đối với thu nhập phát sinh bởi một đối tượng cư trú của Niu Di-lân từ các nguồn tại Việt Nam (trong trường hợp tiền lãi cổ phần, trừ khoản thuế được nộp liên quan đến lợi nhuận dùng để chia tiền lãi cổ phần) sẽ được cho phép khấu trừ thuế Niu Di-lân phải nộp liên quan đến thu nhập đó.

(b) Trường hợp một đối tượng cư trú của Niu Di-lân nhận được thu nhập được miễn thuế tại Niu Di-lân theo bất kỳ quy định nào của Hiệp định này, trong khi tính số thuế đối với thu nhập còn lại của đối tượng cư trú đó, Niu Di-lân có thể xét đến phần thu nhập được miễn thuế.

3. Vì mục đích của khoản 2(a) của Điều này:

(a) Số thuế nộp tại Việt Nam đối với tiền lãi cổ phần mà khoản 2 Điều 10 áp dụng, đối với lãi từ tiền cho vay mà khoản 2 Điều 11 áp dụng và đối với tiền bản quyền mà khoản 2 Điều 12 áp dụng sẽ được coi

như bao gồm một số thuế quy định tại khoản 3(b) của Điều này khi khoản thuế như vậy có thể phải nộp như thuế Việt Nam nhưng được miễn hoặc giảm thuế cho năm đó hoặc bất kỳ phần nào của thuế đó do kết quả của việc áp dụng các quy định của pháp luật Việt Nam được thiết kế để cung cấp các ưu đãi về thuế nhằm thúc đẩy đầu tư nước ngoài cho mục đích phát triển.

(b) Vì mục đích của tiết khoản 3(a) của Điều này, số thuế phải nộp được coi là đã nộp tại Việt Nam đối với tiền lãi cổ phần mà khoản 2 Điều 10 áp dụng, đối với lãi từ tiền cho vay mà khoản 2 Điều 11 áp dụng và đối với tiền bản quyền mà khoản 2 Điều 12 áp dụng sẽ được coi là 5 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần đó mà tiết khoản 2(a) áp dụng, 15 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần đó mà tiết khoản 2(b) áp dụng, 10 phần trăm tổng số lãi từ tiền cho vay đó và 10 phần trăm tổng số tiền bản quyền đó.

4. Mặc dù có khoản 3(a) của Điều này, một đối tượng cư trú của Niu Di-lân có thu nhập từ Việt Nam là khoản thu nhập được đề cập tại khoản đó sẽ không được coi là đã nộp thuế Việt Nam đối với thu nhập nếu:

(a) đối tượng cư trú của Niu Di-lân là một tổ chức tài chính hoặc có liên kết với một tổ chức tài chính;

(b) sau khi trao đổi với nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam, nhà chức trách có thẩm quyền của Niu Di-lân cho rằng không thích hợp để coi như vậy có xem xét đến:

(i) liệu có bất cứ thỏa thuận trước nào đã có bởi bất cứ đối tượng nào vì mục đích lợi dụng khoản 3(a) để đối tượng đó hoặc bất kỳ đối tượng nào được hưởng lợi;

(ii) liệu có bất kỳ lợi ích nào tích lũy hoặc có thể tích lũy cho một đối tượng không phải là đối tượng cư trú của Niu Di-lân hoặc đối tượng cư trú của Việt Nam;

(iii) việc chống gian lận hoặc tránh các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng;

(iv) bất cứ vấn đề nào khác mà một trong hai nhà chức trách có thẩm quyền coi là thích hợp trong các hoàn cảnh của một trường hợp cụ thể, bao gồm bất cứ đệ trình nào của đối tượng cư trú Niu Di-lân có liên quan.

5. Quy định tại khoản 3 của Điều này sẽ chỉ áp dụng trong khoảng thời gian 10 năm sau ngày Hiệp định này có hiệu lực.

Điều 23
KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

1. Các đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu tại Nước ký kết kia bất cứ hình thức thuế nào hoặc bất cứ yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hoặc nặng hơn hình thức thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang hoặc có thể áp dụng đối với các đối tượng mang quốc tịch của Nước kia, đặc biệt đối với đối tượng cư trú, trong cùng các hoàn cảnh như nhau.

2. Hình thức thuế áp dụng đối với một cơ sở thường trú của một doanh nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn loại thuế áp dụng đối với các doanh nghiệp của Nước kia cùng thực hiện những hoạt động tương tự trong cùng các hoàn cảnh như nhau. Quy định này sẽ không được giải thích là buộc một Nước ký kết phải cho các cá nhân là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia được hưởng bất kỳ khoản miễn thu cá nhân, khoản miễn và giảm nào vì mục đích thuế mà đối tượng cư trú của Nước ký kết được hưởng.

3. Trừ trường hợp áp dụng các quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 6 Điều 11 hoặc khoản 6 Điều 12, lãi từ tiền cho vay, tiền bản quyền và các khoản thanh toán khác do một doanh nghiệp của một Nước ký kết trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, khi xác định các khoản lợi tức chịu thuế của doanh nghiệp đó sẽ được khấu trừ theo cùng các điều kiện như thể là các khoản tiền đó được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết thứ nhất.

4. Các doanh nghiệp của một Nước ký kết có toàn bộ hoặc một phần vốn do một hoặc nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia kiểm soát hoặc sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp, sẽ không phải chịu tại Nước ký kết thứ nhất bất cứ hình thức thuế hoặc yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó nặng hơn hình thức thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang hoặc có thể được áp dụng cho các doanh nghiệp tương tự khác của Nước ký kết thứ nhất trong cùng các hoàn cảnh như nhau.

5. Các quy định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các loại thuế bao gồm trong Hiệp định.

Điều 24
THỦ TỤC THOẢ THUẬN SONG PHƯƠNG

1. Trường hợp một đối tượng là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận thấy rằng việc giải quyết của nhà chức trách có thẩm quyền của một hoặc cả hai Nước ký kết làm cho hoặc sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng với các quy định của Hiệp định này, khi đó đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết nơi đối tượng đó đang cư trú, mặc dù trong các luật trong nước của hai Nước ký kết đã quy định các chế độ xử lý khiếu nại. Trường hợp đó phải được giải trình trong thời hạn 3 năm kể từ lần thông báo giải quyết đầu tiên dẫn đến hình thức thuế áp dụng không đúng với các quy định của Hiệp định.

2. Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng thỏa thuận chung, nhằm mục đích tránh đánh thuế không phù hợp với quy định của Hiệp định này. Mọi thỏa thuận đạt được sẽ được thực hiện không căn cứ vào những giới hạn thời gian quy định tại luật trong nước của hai Nước ký kết.

3. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cố gắng giải quyết bằng thỏa thuận chung mọi khó khăn hoặc vướng mắc nảy sinh trong quá trình giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước cũng có thể trao đổi với nhau nhằm xóa bỏ việc đánh thuế hai lần trong các trường hợp không được quy định tại Hiệp định.

4. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể liên hệ trực tiếp với nhau nhằm đạt được một thỏa thuận theo nội dung của các khoản trên đây.

Điều 25
TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi với nhau các thông tin được thấy trước là thích hợp cho việc thực hiện các quy định tại Hiệp định này hoặc để quản lý, cưỡng chế tuân thủ các luật thuế trong nước của từng Nước ký kết hoặc cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương sao cho việc đánh thuế theo các luật trong nước không trái với Hiệp định này. Việc trao đổi thông tin không bị giới hạn bởi Điều 1.

2. Mọi thông tin do một Nước ký kết nhận được sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo luật trong nước của Nước này và thông tin đó sẽ chỉ được cung cấp cho các đối tượng hoặc các cơ quan chức năng (bao gồm cả tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán hoặc thu, cưỡng chế hoặc truy tố hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế nêu tại Khoản 1, hoặc giám sát các nội dung trên. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức năng này sẽ chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên. Các đối tượng và các cơ quan đó có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án hoặc trong các quyết định của tòa án.

3. Không có trường hợp nào mà các quy định tại khoản 1 và 2 được giải thích là buộc một Nước ký kết có nghĩa vụ:

   (a) thực hiện các biện pháp hành chính khác với pháp luật hoặc thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết đó hoặc của Nước ký kết kia;

   (b) cung cấp các thông tin không thể tiết lộ được theo pháp luật hoặc theo như quá trình quản lý hành chính thông thường của Nước ký kết đó hoặc của Nước ký kết kia;

   (c) cung cấp các thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về thương mại, kinh doanh, công nghiệp, thương nghiệp hoặc bí mật nghề nghiệp hoặc các quy trình kinh doanh, hoặc cung cấp các thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách quốc gia.

4. Nếu thông tin do một Nước ký kết yêu cầu phù hợp với Điều này, Nước ký kết kia sẽ sử dụng các biện pháp thu thập thông tin của mình để có được các thông tin theo yêu cầu, mặc dù Nước kia có thể không cần các thông tin như vậy cho mục đích thuế của mình. Nghĩa vụ được quy định tại câu trên phụ thuộc vào các giới hạn tại khoản 3 nhưng trong mọi

trường hợp, các giới hạn này không có nghĩa là cho phép một Nước ký kết từ chối việc cung cấp thông tin chỉ vì Nước ký kết đó không có lợi ích trong nước đối với các thông tin như vậy.

5. Trong mọi trường hợp, các quy định tại khoản 3 sẽ không cho phép một Nước ký kết từ chối việc cung cấp thông tin chỉ vì thông tin do một ngân hàng, tổ chức tài chính, đối tượng được chỉ định hoặc đối tượng với tư cách đại lý hoặc đối tượng được uỷ thác khác nắm giữ hoặc chỉ vì thông tin có liên quan tới các lợi ích về sở hữu trong một đối tượng.

Điều 26
THÀNH VIÊN CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NGOẠI GIAO VÀ CƠ QUAN LÃNH SỰ

Không nội dung nào tại Hiệp định này ảnh hưởng đến các ưu đãi về thuế của thành viên cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan lãnh sự theo các quy phạm chung của pháp luật quốc tế hoặc các quy định tại các hiệp định đặc biệt.

Điều 27
HIỆU LỰC

Mỗi Nước ký kết, thông qua đường ngoại giao, sẽ thông báo cho nhau biết việc hoàn tất các thủ tục theo yêu cầu của pháp luật nước mình để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày nhận được thông báo sau cùng và Hiệp định này sẽ có hiệu lực thi hành:

(a) tại Việt Nam:

(i) đối với các loại thuế khấu trừ tại nguồn thu trên các khoản thu nhập chịu thuế phát sinh vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp sau năm Hiệp định có hiệu lực, và các năm tiếp theo; và

(ii) đối với các loại thuế khác của Việt Nam, liên quan đến thu nhập, lợi nhuận hay giá trị tăng thêm phát sinh vào ngày hoặc sau ngày mùng 1 tháng 1 năm dương lịch tiếp sau năm Hiệp định có hiệu lực, và các năm tiếp theo;

(b) tại Niu Di-lân:

(i) đối với thuế khấu trừ đối với thu nhập, lợi nhuận hay giá trị tăng thêm phát sinh bởi một đối tượng không cư trú, các khoản trả cho hoặc được khấu trừ vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm sau năm dương lịch Hiệp định có hiệu lực;

(ii) đối với các loại thuế khác của Niu Di-lân, liên quan đến bất kỳ năm tính thuế nào bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 4 năm tiếp theo năm Hiệp định có hiệu lực.

Điều 28
CHẤM DỨT HIỆU LỰC

Hiệp định này sẽ vẫn còn hiệu lực cho tới khi một Nước ký kết tuyên bố chấm dứt hiệu lực. Từng Nước ký kết thông qua đường ngoại giao có thể chấm dứt hiệu lực Hiệp định bằng cách gửi thông báo chấm dứt hiệu lực Hiệp định vào ngày hoặc trước ngày 30 tháng 6 của bất kỳ năm dương lịch nào bắt đầu từ sau thời hạn 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực. Trong trường hợp như vậy, Hiệp định sẽ hết hiệu lực thi hành:

(a) tại Việt Nam:

(i) đối với các loại thuế khấu trừ tại nguồn, thu trên các khoản thu nhập chịu thuế phát sinh vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp sau năm gửi thông báo kết thúc hiệu lực, và các năm tiếp theo; và

(ii) đối với các loại thuế khác của Việt Nam, liên quan đến thu nhập, lợi nhuận hay giá trị tăng thêm phát sinh vào ngày hoặc sau ngày mùng 1 tháng 1 năm dương lịch tiếp sau năm gửi thông báo;

(b) tại Niu Di-lân:

(i) liên quan đến thuế khấu trừ đối với thu nhập, lợi nhuận hay giá trị tăng thêm phát sinh bởi một đối tượng không cư trú, các khoản trả cho hoặc được khấu trừ vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp sau năm nhận được thông báo;

(ii) đối với các loại thuế khác của Niu Di-lân, liên quan đến bất kỳ năm tính thuế nào bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 4 năm dương lịch tiếp sau năm gửi thông báo.

ĐỂ LÀM BẰNG những người có tên dưới đây, được sự uỷ quyền hợp thức của Chính phủ nước mình, đã ký vào Hiệp định này.

LÀM tại Hà Nội.. ngày 05... tháng ..8... năm 2013 thành hai bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh, tất cả các văn bản đều có giá trị như nhau.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC NIU DI-LÂN
PHẠM QUANG VINH	NGÀI HAIKE MANNING
THỨ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO	ĐẠI SỨ

NGHỊ ĐỊNH THƯ

Tại thời điểm ký kết Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Niu Di-lân về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập, những người ký dưới đây đã thống nhất những quy định sau sẽ là bộ phận hợp thành của Hiệp định.

ĐIỀU I

Liên quan đến Điều 2 của Hiệp định:

Hai bên nhất trí rằng mặc dù có các quy định tại Khoản 1 và 2 của Điều này, các loại thuế bao gồm trong Hiệp định không bao gồm bất cứ khoản phạt hoặc tiền lãi được áp dụng bởi một trong hai Nước ký kết liên quan đến việc không tuân thủ luật thuế của một Nước ký kết, bao gồm việc chậm nộp hoặc không nộp các khoản thuế.

ĐIỀU II

Liên quan đến Điều 6 của Hiệp định:

Hai bên nhất trí rằng thuật ngữ: "rừng" bao gồm rừng trồng và rừng tự nhiên.

ĐIỀU III

Liên quan đến Điều 23 của Hiệp định:

Hai bên thỏa thuận rằng Điều này sẽ không áp dụng đối với bất kỳ điều khoản nào của pháp luật của cả hai Nước ký kết mà:

(a) được thiết kế để chống lại việc tránh thuế và trốn thuế bao gồm:

(i) các biện pháp được thiết kế để điều chỉnh vốn hóa mỏng và xác định giá chuyển nhượng;

(ii) các nguyên tắc về công ty nước ngoài bị kiểm soát và các quỹ đầu tư nước ngoài; và

(iii) các biện pháp được thiết kế nhằm đảm bảo thu thuế và truy thu thuế hiệu quả, bao gồm các biện pháp bảo vệ;

(b) không cho phép hoãn các loại thuế phát sinh từ việc chuyển nhượng một tài sản trong trường hợp việc chuyển nhượng tài sản kế tiếp bởi người chuyển nhượng có thể nằm ngoài quyền tài phán thuế của Nước ký kết theo luật của Nước đó;

(c) quy định hợp nhất xử lý nhóm các thực thể để xử lý như một thực thể duy nhất cho mục đích thuế nếu một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, mà toàn bộ hay một phần vốn của công ty đó do một hay nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hay gián tiếp, có thể tiếp cận việc xử lý hợp nhất như vậy về cùng các điều kiện và điều khoản như các công ty khác là đối tượng cư trú của Nước ký kết thứ nhất;

(d) quy định việc chuyển lỗ trong nội bộ tập đoàn công ty;

(e) không cho phép miễn thuế liên quan đến tiền lãi cổ phần trả bởi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết cho mục đích thuế của Nước đó; hoặc

(f) bất cứ quy định nào được áp dụng sau ngày ký Hiệp định này mà mục đích hoặc ý định về cơ bản tương tự như một quy định thuộc khoản này hoặc được thỏa thuận là không bị ảnh hưởng bởi Điều này tại các Công hàm trao đổi giữa các Nước ký kết.

ĐIỀU IV

Liên quan đến Điều 10, 11 và 12 của Hiệp định:

Hai bên thỏa thuận rằng tín thác là đối tượng chịu thuế tại một Nước ký kết liên quan đến tiền lãi cổ phần, lãi từ tiền cho vay hoặc tiền bản quyền sẽ được coi là chủ sở hữu thực hưởng của tiền lãi cổ phần, lãi từ tiền cho vay hoặc tiền bản quyền đó.

ĐIỀU V

Liên quan đến khoản 1 của Điều 25:

Hai bên thỏa thuận rằng vào bất cứ thời điểm nào sau ngày ký Nghị định thư này, Việt Nam đồng ý bổ sung một tham chiếu đến Điều 2 tại câu cuối của khoản đó trong bất cứ các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập trong tương lai của Việt Nam thì Việt Nam sẽ không trì hoãn một cách không hợp lý việc đàm phán với Niu Di-lân với quan điểm đưa ra một sự đối xử tương ứng.

ĐỂ LÀM BẰNG những người được ủy quyền dưới đây của từng Chính phủ đã ký vào Nghị định thư này.

LÀM tại Hà Nội... ngày ..05... tháng ..5... năm 2013 thành hai bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh, tất cả các văn bản đều có giá trị như nhau.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC NIU DI-LÂN
PHẠM QUANG VINH THỨ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO	NGÀI HAIKE MANNING ĐẠI SỨ

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng